

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1291.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 01/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 01/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.010824.03/ KT28 (DC14)	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.010824.03/ KT28 (DC14): Mẫu khí thải tại hệ thống xử lý bụi kiểu khô tại bộ phận điều chế 4 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313380; 560658)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1292.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 01/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 01/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.010824.03/ KT35 (DC16)	C	Cmax
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.010824.03/ KT35 (DC16): Mẫu khí thải tại hệ thống xử lý bụi kiểu ướt tại buồng phun men (1F) DC16 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313297; 560646)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;
 $C_{max} = C \times K_p \times K_v$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, $K_p = 0,8$;

+ K_v là hệ số vùng, $K_v = 0,8$;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1293.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 01/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 01/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.010824.03/ KT25 (DC11)	C	Cmax
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.010824.03/ KT25 (DC11): Mẫu khí thải tại hệ thống xử lý bụi kiểu khô tại kho nguyên liệu 4 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313414; 560761)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, $K_p = 0,8$;

+ K_v là hệ số vùng, $K_v = 0,8$;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "***": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HUNG YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (VIMCERTS 161)

Địa chỉ: số 437, Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 02216 252 152 E-Mail : quantracmthy@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.1294.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên

Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Loại mẫu: Khí thải

Số mẫu: 01

Ngày quan trắc: 01/8/2024

Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu

Thời gian thử nghiệm: 01/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.010824.03/ KT24 (DC10)	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.010824.03/ KT24 (DC10): Mẫu khí thải tại hệ thống xử lý bụi kiểu khô (1F) tại kho nguyên liệu 4 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313406; 460661)

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;

3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;

4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (VIMCERTS 161)

Địa chỉ: số 437, Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 02216 252 152 E-Mail: quantracmthy@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.1295.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 01/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 01/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.010824.03/ KT29 (DC15)	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.010824.03/ KT29(DC15): Mẫu khí thải tại hệ thống xử lý bụi kiểu khô tại bộ phận điều chế 4 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313368; 556075)

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
- Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
- Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HUNG YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (VIMCERTS 161)

Địa chỉ: số 437, Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại : 02216 252 152 E-Mail : quantracmthy@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.1296.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 02/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 02/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.020824.03/ KT39	C	C _{max}
i	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.020824.03/KT39: Hệ thống xử lý bụi kiểu ướt tại buồng phun men Firing 4 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313143; 560740)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;
 $C_{max} = C \times K_p \times K_v$
Trong đó:
 - + C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);
 - + C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
 - + K_p là hệ số lưu lượng nguồn, $K_p = 0,8$;
 - + K_v là hệ số vùng, $K_v = 0,8$;
- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°.

Hung Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu “*”: Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu “***”: Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1297.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 02/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 02/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.020824.03/ KT41 (DC20)	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.020824.03/ KT41 (DC20): Hệ thống xử lý bụi kiểu khô của máy hút bụi cho thiết bị MC (loại dùng cho thạch cao) – RD của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313160; 560724)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu “*” : Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu “***” : Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1298.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 02/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 02/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.020824.03/ KT30	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.020824.03/ KT30: Hệ thống xử lý bụi kiểu ướt tại bộ phận điều chế 4 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313263; 560705)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;
 $C_{max} = C \times K_p \times K_v$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Ngô Thị Minh Liên

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hoàng Văn Huy

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1299.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 02/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 02/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.020824.03/ KT26 (DC12)	C	Cmax
i	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.020824.03/KT26(DC12): Hệ thống xử lý bụi kiểu khô tại kho nguyên liệu 4 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313311; 560714)

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, $K_p = 0,8$;

+ K_v là hệ số vùng, $K_v = 0,8$;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1300.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 02/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 02/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.020824.03/ KT27 (DC13)	C	C _{max}
i	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.020824.03/KT27(DC13): Hệ thống xử lý bụi kiểu khô tại kho nguyên liệu 4 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313313; 560715)

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1301.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 05/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 05/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.050824.04/ KT18	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.050824.04/KT18: Hệ thống xử lý bụi kiểu ướt tại buồng nước Book (tầng 1- Molding) của nhà máy TVN3 (tọa độ 2313148; 560775)

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1302.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 05/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 05/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.050824.04/ KT31	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.050824.04/KT31: Hệ thống xử lý bụi kiểu ướt tại buồng nước Book – tầng 1 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313097; 560725)

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
- Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
- Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1303.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 05/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 05/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.050824.04/ KT36(DC18)	C	Cmax
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.050824.04/ KT36(DC18): Hệ thống xử lý bụi kiểu ướt tại buồng phun men (2F) của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313330; 560654)

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, $K_p = 0,8$;

+ K_v là hệ số vùng, $K_v = 0,8$;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu “*”: Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu “***”: Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HUNG YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (VIMCERTS 161)

Địa chỉ: số 437, Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 02216 252 152 E-Mail : quantracmthy@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.1304.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên

Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Loại mẫu: Khí thải

Số mẫu: 01

Ngày quan trắc: 05/8/2024

Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu

Thời gian thử nghiệm: 05/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.050824.04/ KT37(DC17)	C	Cmax
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.050824.04/KT37(DC17): Hệ thống xử lý bụi kiểu ướt tại buồng phun men (dự phòng) của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313335; 560655)

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, $K_p = 0,8$;

+ K_v là hệ số vùng, $K_v = 0,8$;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;

3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;

4. Dấu “*”: Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu “***”: Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

BM.13.02

Lần ban hành: 02

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1305.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 05/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 05/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.050824.04/ KT38	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.050824.04/KT38: Hệ thống xử lý bụi kiểu khô tại phòng mài Tochi – Firing 4 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313194; 560730)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1307.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 06/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 06/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.060824.02/ KT40(DC21)	C	C _{max}
i	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.060824.02/KT40(DC21): Hệ thống xử lý bụi kiểu khô tại buồng mài tay FI4 của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313122; 560621)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu “*”: Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu “***”: Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1308.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 06/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 06/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.060824.02/ KT33	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.060824.02/KT33: Hệ thống xử lý bụi kiểu ướt tại buồng nước Book – tầng 3, máy trái của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313394; 560699)

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1309.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 06/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 06/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.060824.02/ KT32	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.060824.02/ KT32: Hệ thống xử lý bụi kiểu ướt tại buồng nước Book – tầng 3, máy phải của nhà máy TVN4 (tọa độ 2313320; 560653)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu “*”: Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu “***”: Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1310.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 06/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 06/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.060824.02/ KT34	C	Cmax
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.060824.02/KT34: Hệ thống xử lý bụi tại buồng cân thạch cao của nhà máy TVN 4 (tọa độ 2313404; 560702)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;
 $C_{max} = C \times K_p \times K_v$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, $K_p = 0,8$;

+ K_v là hệ số vùng, $K_v = 0,8$;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.1311.24

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty TNHH TOTO Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Lô M7, M8, N3 & RE8, KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Khí thải Số mẫu: 01
Ngày quan trắc: 06/8/2024 Đại diện tổ quan trắc HT: Man Đình Hữu
Thời gian thử nghiệm: 06/8/2024 – 13/8/2024

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				PM.060824.02/ KT15	C	C _{max}
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	KPH (LOD = 12)	200	128

Ghi chú:

- PM.060824.02/KT15: Hệ thống xử lý bụi kiểu ướt tại bộ phận Firing của nhà máy TVN3 (tọa độ 2313175; 560748)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn, K_p = 0,8;

+ K_v là hệ số vùng, K_v = 0,8;

- Tọa độ vị trí quan trắc theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Minh Liên

Hoàng Văn Huy



Hoàng Trọng Nhu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị giữ mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "****": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.